

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành giá cung cấp nước máy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Giá số 40/2002/PL-UBTVQH10 ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 95/2009/TTLT-BTC-BXD-BNN ngày 19 tháng 5 năm 2009 của liên Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 100/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung thông tư số 104/2008/TT-BTC;

Theo đề nghị của Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai tại Công văn số 532/XDCN ngày 10 tháng 6 năm 2011,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành giá cung cấp nước máy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

Đối tượng sử dụng	Khối lượng nước sử dụng 01 tháng	Đơn giá bán (Đồng/m <sup>3</sup> )
Các hộ dân cư	Từ 0 m <sup>3</sup> đến 10 m <sup>3</sup>	4.800
	Từ trên 10 m <sup>3</sup> đến 20 m <sup>3</sup>	6.500
	Từ trên 20 m <sup>3</sup> đến 30 m <sup>3</sup>	7.800
	Trên 30 m <sup>3</sup>	9.500
Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và các đoàn thể	Theo thực tế sử dụng	7.800
Đơn vị sản xuất vật chất	Bán trực tiếp (theo thực tế sử dụng)	8.100
	Bán qua đồng hồ tổng (theo thực tế sử dụng)	7.250
Đơn vị kinh doanh - dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	16.500
Giá thỏa thuận theo dự án (nước thô)	Theo thực tế sử dụng	3.700

Giá trên chưa có thuế giá trị gia tăng và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

### **Điều 2. Đối tượng sử dụng nước**

#### **1. Nước sinh hoạt của các hộ dân cư (nước sinh hoạt tư gia)**

a) Các hộ dân sử dụng nước máy cho mục đích sinh hoạt tính theo từng hộ gia đình, cho từng đồng hồ đo nước đã ký hợp đồng sử dụng nước với đơn vị cấp nước.

b) Các đối tượng sử dụng đồng hồ phụ qua đồng hồ chính đã được đơn vị cấp nước chấp thuận đủ điều kiện là hộ phụ.

c) Người lao động, học sinh, sinh viên đang ở trong phòng trọ, nhà cho thuê với điều kiện phải có Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác hợp lệ và phải có hợp đồng thuê nhà với hộ chính từ 12 tháng trở lên. Mỗi người được hưởng tiêu chuẩn bằng ¼ hộ chính, giá tính theo mức sử dụng lũy tiến tăng dần tương ứng.

## 2. Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và các đoàn thể

Bao gồm:

- Các đơn vị lực lượng vũ trang, công an.
- Bệnh viện, trường học.
- Các cơ quan, đoàn thể, cơ sở tôn giáo.
- Cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp khác.

## 3. Đơn vị sản xuất vật chất

Bao gồm:

- Các khu công nghiệp, khu chế xuất.
- Các cơ sở, đơn vị sản xuất, chế biến, gia công.
- Các cơ sở chăn nuôi, xử lý chất thải, lò thiêu.
- Nước phục vụ cho công trình xây dựng.

## 4. Kinh doanh, dịch vụ

Bao gồm:

- Các khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ, kinh doanh ăn uống, giải khát.
- Các cơ sở thẩm mỹ, giặt ủi, các khu vui chơi giải trí.
- Các khu chợ, siêu thị, đại lý, cửa hàng thương mại.
- Đổ nước cho tàu thuyền, xe bồn, dịch vụ rửa xe.
- Các cơ quan kinh doanh, dịch vụ: Điện, bưu chính viễn thông, ngân hàng.
- Các nhà máy, cơ sở nước đá, rượu, bia, kem, nước giải khát.

## 5. Đối tượng khác

Ngoài 4 đối tượng trên, Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai được áp dụng giá trên cơ sở thỏa thuận giữa doanh nghiệp cấp nước với khách hàng theo từng đối tượng dự án đầu tư.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2144/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt phương án giá nước sạch năm 2009 và Quyết định số 54/2009/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định giá cung cấp nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 4.** Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp, Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Chánh - Phó văn phòng;
- Lưu: VT, KT.

@DienKT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Minh Phúc**